

KẾ HOẠCH

**Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước,
phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng
trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025**

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Ban hành văn bản, chỉ đạo, điều hành

UBND tỉnh đã tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 31-CTr/TU ngày 17/3/2015 thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị (khóa XI) về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; Chương trình hành động số 34-CTr/TU ngày 22/4/2020 thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Đã xây dựng, trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 thông qua Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Quảng Bình đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035; Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 thông qua Đề án phát triển Chính quyền điện tử (CQĐT) và dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

Chủ động xây dựng, triển khai nhiều văn bản, chương trình, kế hoạch đề định hướng, chỉ đạo thúc đẩy ứng dụng CNTT, hiện đại hóa hành chính tại địa phương. Một số văn bản quan trọng như:

- Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 19/01/2016 của UBND tỉnh về triển khai ứng dụng chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Bình;

- Kế hoạch hành động số 177/KH-UBND ngày 03/02/2016 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

- Quyết định số 2972/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Quảng Bình đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035;



- Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2018-2020;

- Kế hoạch số 411/KH-UBND ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

- Kế hoạch số 1903/KH-UBND ngày 15/11/2019 của UBND tỉnh về xây dựng, hoàn thiện và triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 trên Cổng dịch vụ công tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2019-2020;

- Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 17/10/2019 của UBND tỉnh về việc đẩy mạnh xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình;

- Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình;

- Kế hoạch số 1582/KH-UBND ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh về số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương giai đoạn 2020 - 2025 theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã ban hành, tổ chức thực hiện các quy định, quy chế về ứng dụng, đánh giá mức độ ứng dụng CNTT; kiện toàn tổ chức, nhân lực CNTT; quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng và bảo đảm an toàn các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành của tỉnh:

- Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND ngày 07/12/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy chế xây dựng và quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành và cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Bình và Trang thông tin điện tử thành phần; Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 13/2020/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của UBND tỉnh ban hành Danh mục mã định danh các cơ quan nhà nước tham gia kết nối, trao đổi văn bản điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND tỉnh ban hành Phương pháp đánh giá mức độ ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 3913/QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 4678/QĐ-UBND ngày 03/12/2019 của UBND tỉnh về việc thành lập Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 4742/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 3270/QĐ-

UBND ngày 09/9/2020 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí đánh giá mức độ xây dựng Chính quyền điện tử của các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện thuộc tỉnh Quảng Bình...

2. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật

Hạ tầng viễn thông ngày càng được hiện đại, đồng bộ từ thành thị đến vùng sâu, vùng xa, sẵn sàng đáp ứng cho việc ứng dụng CNTT, xây dựng CQĐT và cung cấp dịch vụ đô thị thông minh. 151/151 xã, phường, thị trấn internet đã được cung cấp dịch vụ internet băng thông (cáp quang, 3G, 4G).

Hạ tầng ứng dụng CNTT trong các cơ quan hành chính nhà nước được quan tâm đầu tư, nâng cấp: 100% sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND huyện và 99% UBND cấp xã đã thiết lập mạng LAN với gần 100% máy tính của cán bộ, công chức được kết nối internet (trừ máy tính phục vụ soạn thảo, lưu trữ thông tin, tài liệu mật).

Mạng diện rộng (WAN) của tỉnh được triển khai trên nền tảng Mạng truyền số liệu chuyên dùng sẵn sàng kết nối đến 100% sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện và 80% UBND cấp xã.

Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến được kết nối thông suốt, phục vụ hiệu quả các cuộc họp thường kỳ, đột xuất của Trung ương với UBND tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện.

Trung tâm dữ liệu điện tử tỉnh được Bộ Thông tin và Truyền thông quan tâm hỗ trợ đầu tư từ năm 2013, đang từng bước nâng cấp, hoàn thiện phục vụ các hệ thống thông tin, CSDL chính quyền điện tử tỉnh.

Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) được Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông hỗ trợ, triển khai phân lõi, bước đầu đã thực hiện kết nối, liên thông với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

Ngày 24/9/2020, UBND tỉnh đã tổ chức lễ khởi động xây dựng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh.

3. Ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp

Cổng TTĐT tỉnh được đầu tư, nâng cấp, triển khai tích hợp 100% trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã. Số lượng cán bộ, công chức cơ quan hành chính nhà nước được cấp tài khoản và sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh đạt tỷ lệ 80%.

Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành được xây dựng từ năm 2009, đến nay đã tích hợp phân hệ theo dõi thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh, triển khai rộng khắp toàn tỉnh phục vụ gửi nhận văn bản điện tử ở 3 cấp chính quyền và kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia. Tỷ lệ văn bản được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước: 85%; dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy: 13%.

Số cơ quan được cấp chứng thư số tổ chức: 169 cơ quan hành chính nhà nước, đạt tỷ lệ 99%. Số cán bộ có thẩm quyền ký các văn bản (cán bộ lãnh đạo trong các CQHCCN của tỉnh) được cấp chứng thư số cá nhân: 413 người, đạt tỷ lệ 99%. Số lượng CBCC của tỉnh (không tính cán bộ lãnh đạo nêu trên) được cấp chứng thư số cá nhân: 608 người, đạt tỷ lệ 21%. Từ Quý III/2020, tỉnh đã triển khai tổ chức ứng dụng giải pháp ký số trên thiết bị di động cho Lãnh đạo các Sở,

ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện.

Hệ thống thông tin một cửa điện tử được xây dựng tập trung, thống nhất từ năm 2017, đến nay triển khai ứng dụng tại tất cả các sở, ban, ngành cấp tỉnh, 08/08 UBND cấp huyện và 151/151 UBND cấp xã. Công dịch vụ công của tỉnh công khai cung cấp 257 DVCTT mức độ 3, 4, trong đó đã thực hiện tích hợp 29 DVCTT mức 3, 4 lên Cổng DVC quốc gia. Trong năm 2020, tỷ lệ DVCTT mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến là 17,5%, tỷ lệ hồ TTHC được giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 là 45,6%.

Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đã được xây dựng cơ bản đáp ứng yêu cầu của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ, hiện đang triển khai nhân rộng ứng dụng đến tất cả các cấp trên địa bàn tỉnh và thực hiện kết nối, liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

Hệ thống quản lý hồ sơ và đánh giá kết quả làm việc của cán bộ, công chức, viên chức được triển khai hầu hết ở các sở, ban, ngành, địa phương. Hệ thống quản lý công tác thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo tỉnh Quảng Bình được xây dựng và vận hành 2 cấp tỉnh, huyện từ năm 2017, đến nay đang tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật, nghiệp vụ ứng dụng, bảo đảm kết nối liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo.

Hệ thống Cơ sở dữ liệu dùng chung trên nền tảng thông tin địa lý (GIS) của tỉnh được xây dựng, từng bước bồi đắp, trong giai đoạn 1 đã tạo lập thông tin, dữ liệu của cơ sở dữ liệu thành phần và cung cấp dịch vụ thông tin quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng cho người dân, doanh nghiệp.

Ngoài ra, nhiều cơ quan, đơn vị đã xây dựng hoặc nhận chuyển giao, triển khai, ứng dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành như: các hệ thống thông tin đất đai - Vilis, địa lý - GIS, giám sát quan trắc môi trường tự động tại các điểm xung yếu... (Sở Tài nguyên và Môi trường); các hệ thống quản lý học sinh, quản lý bài giảng Elearning, quản lý thư viện điện tử, quản lý thiết bị, hỗ trợ tuyển sinh đầu cấp, quản lý văn bằng, chứng chỉ... (Sở Giáo dục và Đào tạo); các hệ thống quản lý bệnh viện, quản lý y tế cơ sở, quản lý bảo hiểm...(Sở Y tế); hệ thống quản lý đối tượng người có công và chế độ chính sách (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội); phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch (Sở Tư pháp); các phần mềm quản lý giấy phép lái xe, quản lý xe cải tạo, giám sát tàu thuyền trên sông, quản lý cầu, quản lý phương tiện thông qua thiết bị giám sát hành trình, quản lý tài sản đường bộ, quản lý tài sản đường thủy... (Sở Giao thông Vận tải); các hệ thống, phần mềm quản lý đầu tư công, quản lý Ngân sách - Kho bạc, quản lý mã số, quản lý nguồn vốn, khai thác báo cáo quyết toán, quản lý tài sản, kế toán HCSN, kế toán ngân sách xã... của ngành kế hoạch, tài chính...

4. Đảm bảo an toàn thông tin

Tỉnh đã tích cực tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức nhà nước và người dùng Internet, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn.

Toàn bộ hệ thống phần mềm và cơ sở dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu điện tử

của tỉnh đã được sao lưu dự phòng tại Trung tâm IDC Vân Đồn - Đà Nẵng của Tập đoàn VNPT. Nền tảng Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng của tỉnh được Cục An toàn thông tin hỗ trợ triển khai lõi, bước đầu cơ bản giám sát được một số hệ thống, như: Trung tâm dữ liệu điện tử, một số hệ thống/ phần mềm dùng chung của tỉnh. Đồng thời, triển khai cơ bản mô hình bảo đảm an toàn thông tin “4 lớp” theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Từ năm 2016, tỉnh đã quyết định thành lập Tổ Ứng cứu sự cố máy tính. Đến năm 2019 kiện toàn thành Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh. Ngày 05/12/2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 4742/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 về Quy chế hoạt động của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

5. Phát triển nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT

Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT tỉnh đã được kiện toàn thành Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh và phát huy hiệu quả cao trong việc chỉ đạo đẩy mạnh ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử. Tất cả các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện cũng đã thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo hoặc Tổ triển khai xây dựng chính quyền điện tử.

06/21 sở, ban, ngành cấp tỉnh có đơn vị chuyên trách CNTT có nhiều công chức, viên chức trình độ chuyên sâu về CNTT; 95% sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có bộ phận hoặc cán bộ chuyên trách/phụ trách CNTT, với 100% cán bộ chuyên trách/phụ trách có trình độ đại học CNTT trở lên.

Gần 100% cán bộ, công chức hành chính nhà nước đã qua các khóa đào tạo tin học hoặc ứng dụng CNTT cơ bản. Tỷ lệ CBCC thường xuyên sử dụng Internet để xử lý công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện là 100%, cấp huyện là 76%.

6. Các chương trình, dự án trọng tâm đã, đang triển khai cho hệ thống dùng chung của tỉnh

a) Các chương trình, dự án dùng nguồn vốn đầu tư phát triển

TT	Tên dự án	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
1	Dự án Đầu tư nâng cấp, triển khai nhân rộng phần mềm Một cửa liên thông và dịch vụ hành chính công tỉnh Quảng Bình	2017-2018	5.930	
2	Hệ thống thông tin kinh tế, xã hội tỉnh Quảng Bình	2018-2019	2.822	
3	Đầu tư nâng cấp Trung tâm dữ liệu điện tử và phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ	2019-2020	5.000	
4	Đầu tư nâng cấp hạ tầng chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình năm 2020	2020	2.100	(Tổng mức đầu tư 4 tỷ đồng)

5	Triển khai thí điểm một số dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	2020	1.200	(Tổng mức đầu tư 4 tỷ đồng)
Tổng cộng			17.052	
<i>Bảng chữ: Mười bảy tỷ, không trăm năm mươi hai triệu đồng.</i>				

b) Các hạng mục triển khai ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí thường xuyên

TT	Tên hạng mục	Kinh phí (Triệu đồng)	Năm thực hiện	Ghi chú
1	Nâng cấp và triển khai đồng bộ hệ thống Công thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử các sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	2.996	2019-2020	
2	Xây dựng hệ thống Hội nghị trực tuyến từ tỉnh đến cấp huyện	2.968	2019-2020	
3	Đầu tư nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý công tác thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo tỉnh Quảng Bình	1.609	2020	
4	Nâng cấp và triển khai nhân rộng hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Quảng Bình	2.493	2020	
5	Xây dựng Khung kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình	703	2019-2020	
6	Thuê dịch vụ hệ thống lưu trữ, cân bằng tải (HA Proxy) và phục hồi dữ liệu (Disaster Recovery) cho Trung tâm dữ liệu điện tử tỉnh Quảng Bình	600	2019	
7	Nâng cấp, triển khai phần mềm Báo cáo trực tuyến năm 2019	300	2019	
8	Nâng cấp phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Bình	600	2018-2019	
9	Nâng cấp phần mềm Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Quảng Bình	1.200	2016-2019	
10	Nâng cấp Phần mềm quản lý công tác Thanh tra tỉnh Quảng Bình năm 2019	200	2019	
11	Chuyển đổi, chuẩn hóa CSDL	1.900	2018-2020	
12	Tạo lập mới CSDL	2.600	2018-2020	
13	Chuẩn hóa quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến	3.000	2018-2020	
Tổng cộng		21.169		
<i>Bảng chữ: Hai một tỷ, một trăm sáu mươi chín triệu đồng.</i>				

7. Tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ xây dựng Chính phủ điện tử theo Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ

a) Về xây dựng nền tảng công nghệ phát triển Chính phủ điện tử phù hợp với xu thế phát triển Chính phủ điện tử trên thế giới

- Đã và đang thực hiện tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của tỉnh theo hướng kết hợp giữa mô hình tập trung và mô hình phân tán dựa trên công nghệ điện toán đám mây, tối ưu hóa hạ tầng công nghệ thông tin. Tổ chức xây dựng Trung tâm dữ liệu điện tử của tỉnh; kết hợp thuê dịch vụ của VNPT về máy chủ, vận hành hệ thống Cổng DVC/một cửa điện tử và lưu trữ toàn bộ dữ liệu backup Trung tâm dữ liệu điện tử. Đang hoàn thiện nghiên cứu mô hình và khởi động xây dựng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh.

- Đang từng bước xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối liên thông, chia sẻ với hệ thống một cửa điện tử, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh, Cổng Dịch vụ công quốc gia phục vụ người dân và doanh nghiệp. Trước mắt đã hình thành 02 cơ sở dữ liệu thành phần về thông tin quy hoạch sử dụng đất và thông tin quy hoạch xây dựng của hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung trên nền tảng thông tin địa lý. Đồng thời triển khai thực hiện lộ trình số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu về kết quả giải quyết thủ tục hành chính, kết nối, liên thông, chia sẻ với Cổng DVC/hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

- Được sự hỗ trợ của Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông, tỉnh đã cơ bản hoàn thành việc xây dựng phần lõi của nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP), bước đầu đã thực hiện kết nối, liên thông các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tỉnh trong việc gửi, nhận văn bản điện tử, dịch vụ công trực tuyến, thông tin báo cáo, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, thủ tục hành chính, công báo điện tử... và đã thực hiện kết nối, liên thông với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); qua đó hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trục liên thông văn bản quốc gia, Trục kết nối dữ liệu Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống hỗ trợ thanh toán quốc gia PayGov, cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký kinh doanh...

- Đã xây dựng, ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình (phê duyệt theo Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình), có cập nhật phiên bản Khung kiến trúc Chính phủ điện tử phiên bản 2.0 và tổ chức 21 lớp tập huấn, triển khai tuyên truyền, phổ biến; đồng thời bám sát nội dung Khung Chính quyền điện tử để xây dựng, thẩm định, trình phê duyệt, triển khai các chương trình, dự án, hoạt động ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử tại tỉnh. Đã tham mưu cho HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua Đề án phát triển chính quyền điện tử và dịch vụ đô thị thông minh giai đoạn 2021-2025.

b) Về xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính, đổi mới lề lối, phương thức làm việc phục vụ người dân và doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số quốc gia hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số

- Đã tổ chức chuẩn hóa cấu trúc và ban hành hệ thống danh mục mã định danh cơ quan nhà nước theo Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của UBND tỉnh, có cập nhật, bổ sung thường xuyên hàng năm.

- Hệ thống QLVB&ĐH của tỉnh được triển khai ứng dụng đến tất cả các cơ

quan hành chính nhà nước ở địa phương, kết nối, gửi nhận điện tử văn bản liên thông 3 cấp chính quyền với TW (Cục, Viện, Trung tâm của Bộ ngành trung ương và các tỉnh, thành phố khác). Hiện đang chạy thử nghiệm phần mềm hộp không giấy Ecabinet của VNPT cho các cuộc họp thường kỳ hàng tháng của UBND tỉnh và thường xuyên tại Sở TT&TT. Đang triển khai đầu tư thiết bị và chạy thử nghiệm tại 01 UBND cấp huyện (UBND thành phố Đồng Hới).

- Cơ bản hoàn thành xây dựng Cổng Dịch vụ công cấp và hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung cấp tỉnh từ năm 2018. Hiện nay, đang tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện để đáp ứng của quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ TT&TT, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật..., đồng thời tích cực triển khai thực hiện kế hoạch và số hóa dữ liệu kết quả thủ tục hành chính theo quy định của Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

- Đã xây dựng hệ thống chỉ tiêu và hoàn thành xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh với các chức năng, tính năng cơ bản; ban hành và triển khai chế độ báo cáo định kỳ về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh; đã tổ chức kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ để cập nhật báo cáo thông tin, số liệu chỉ tiêu tổng hợp của tỉnh theo yêu cầu của Văn phòng Chính phủ.

c) Về bảo đảm các nguồn lực triển khai xây dựng Chính phủ điện tử

- Tích cực thực hiện truyền thông cho người dân, doanh nghiệp, thông qua Hội nghị, hội thảo, băng rôn, biểu ngữ, truyền thông báo chí, truyền thanh cấp huyện, thông tin cơ sở... nhằm nâng cao nhận thức thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về phát triển Chính phủ điện tử. Trong năm 2020, tỉnh có bố trí 01 dự án cho việc tuyên truyền về phát triển Chính phủ điện tử và hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Thường xuyên tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về Chính phủ điện tử, khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và làm việc trên môi trường mạng, nhất là khi có nhân sự mới; cập nhật, hoàn thiện hệ thống; thay đổi quy trình, cung cấp DVCTT mới... Trong 02 năm 2019-2020 đã tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho trên 2.500 CBCCVC bằng các hình thức tập huấn tập trung, hướng dẫn trực tuyến, từ xa hoặc qua tài liệu...

- Đã cố gắng thực hiện việc huy động các nguồn lực ưu tiên xây dựng Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin trọn gói do các doanh nghiệp công nghệ thông tin cung cấp, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành, không sử dụng nguồn vốn vay ODA có điều kiện ràng buộc để triển khai xây dựng hệ thống Chính phủ điện tử. Trong đó, đang từng bước chuyển dần sang thuê dịch vụ đối với các hệ thống nền tảng và hoạt động bảo đảm ATTT.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ứng dụng CNTT, xây dựng Chính quyền điện tử, thúc đẩy cải cách hành chính, các sở, ban, ngành, địa phương của tỉnh đã tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng, xác định những nhiệm vụ trọng tâm, các giải pháp cơ bản và tổ chức triển khai xây dựng Chính quyền điện tử, đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan

nhà nước theo từng năm và cả giai đoạn 2016-2020.

Cơ bản các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm được giao và đề ra tại Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử, Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025, Kế hoạch số 378/KH-UBND ngày 29/3/2016 của UBND tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2020 đều đạt khá trong điều kiện kinh tế- xã hội của tỉnh còn rất nhiều khó khăn. Những bước tiến, kết quả tích cực đó đã góp phần thúc đẩy hiện đại hóa nền hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý, điều hành, giải quyết công việc và cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

Tuy vậy, việc ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh vẫn còn không ít tồn tại, hạn chế, nhiều nội dung chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra:

1. Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh dù đã được quan tâm nâng cấp, tuy nhiên chưa đủ nguồn lực để đầu tư đạt chuẩn. Hạ tầng thiết bị máy tính, kết nối mạng tại một số sở, ban, ngành, địa phương còn thiếu về số lượng và yếu về cấu hình, chất lượng. Công tác quản trị, vận hành, khai thác, sử dụng và phối hợp ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng có nhiều khó khăn, nhất là ở cấp xã.

2. Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa được quan tâm đầu tư đúng mức, gây nhiều khó khăn cho việc khai thác, chia sẻ phục vụ quản lý, điều hành, giải quyết công việc và xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

3. Ứng dụng CNTT tại một số cơ quan, đơn vị chỉ đang ở bước đầu, thể hiện ở bề nổi, chưa có chiều sâu, chưa mạnh mẽ thực hiện việc “điện tử hóa”, “số hóa” để nâng cao năng suất, hiệu quả chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc và cung cấp dịch vụ công. Còn không ít cán bộ, công chức chưa thực hiện tốt việc xử lý, dự thảo, ký số, lập lịch công tác, lập hồ sơ công việc trên hệ thống QLVB&ĐH hoặc tiếp nhận, xử lý, luân chuyển hồ sơ điện tử TTHC trên hệ thống thông tin một cửa điện tử. Một số phần mềm dùng chung của tỉnh như quản lý nhân sự, quản lý công tác thanh tra... chưa được các cơ quan, đơn vị quan tâm khai thác, hiệu quả ứng dụng còn hạn chế.

4. Một số chỉ tiêu, hạng mục nhiệm vụ xây dựng chính quyền điện tử, hiện đại hóa hành chính của tỉnh chưa hoàn thành: Số lượng dịch vụ công trực tuyến thực hiện ở mức độ 4 chưa đạt 30%. Số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến chưa đạt mức 20%. Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia và hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đang trong quá trình triển khai, nên chưa thể chưa hoàn thành chỉ tiêu tối thiểu 30% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia. Hệ thống hội nghị truyền hình, Hệ thống phòng họp không giấy cũng đang được thử nghiệm giải pháp và chuẩn bị triển khai, do đó chưa đạt chỉ tiêu rút ngắn từ 30% - 50% thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy...

Những tồn tại, hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân. Bên cạnh các nguyên nhân khách quan về điều kiện ngân sách của địa phương còn hạn hẹp, khó khăn; cơ chế, chính sách về bố trí, sử dụng cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, an

toàn thông tin trong các cơ quan hành chính nhà nước chưa đầy đủ, rõ ràng; việc xây dựng, triển khai, tích hợp, chia sẻ dữ liệu của các hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành của địa phương còn phụ thuộc vào tiến độ xây dựng hệ thống và sự hỗ trợ kết nối của các cơ quan Trung ương... thì nguyên nhân chủ quan chủ yếu là do nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc của một bộ phận cán bộ, công chức về ứng dụng CNTT, xây dựng Chính phủ điện tử và tiếp cận, tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0; một số cán bộ lãnh đạo chưa thực sự quyết liệt trong chỉ đạo, tổ chức triển khai và thực hiện tốt vai trò gương mẫu, tiên phong ứng dụng CNTT tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

PHẦN II

KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;
- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số cơ quan nhà nước;
- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước; Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử; Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam;

- Quyết định số 829/QĐ-BTTTT ngày 31/5/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh (phiên bản 1.0); Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Quyết định số 1726/QĐ-BTTTT ngày 12/10/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia;

- Công văn số 2606/BTTTT-THH-ATTT ngày 15/7/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ số/ Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch năm 2021;

- Chương trình hành động số 31-CTr/TU ngày 17/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị (khóa XI) về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; Chương trình hành động số 34-CTr/TU ngày 22/4/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 18/7/2017 của HĐND tỉnh Quảng Bình thông qua Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin đến năm 2025 và định hướng đến 2030; Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Quảng Bình thông qua Đề án phát triển Chính quyền điện tử và dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 1123/KH-UBND ngày 22/9/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình triển khai thực hiện Chương trình hành động số 31-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị (Khóa XI) về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; Kế hoạch số 411/KH-UBND ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

- Quyết định số 2927/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Quảng Bình đến năm 2025 và định hướng đến 2030; Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình.

- Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 17/10/2019 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc đẩy mạnh xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình;

II. MỤC TIÊU CƠ BẢN

1. Mục tiêu tổng quát

- Đẩy mạnh hoạt động ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, gắn kết với chương trình CCHC nhằm hiện đại hóa nền hành chính và nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành và công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin nhằm thúc đẩy xây dựng chính quyền điện tử.

- Từng bước phát triển Chính quyền số để thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính quyền, đồng thời dẫn dắt, thúc đẩy hình thành, phát triển kinh tế số, xã hội số ở địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

- 100% thông tin hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước được cung cấp trên cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử.

- 80% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; tích hợp 50% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 với Cổng Dịch vụ công quốc gia; tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 50% trở lên.

- 90% hồ sơ công việc tại cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, 80% tại cấp huyện và 60% tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% báo cáo định kỳ và báo cáo tổng hợp kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện và 80% của cấp xã được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, có kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- 50% cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các sở, ngành được xây dựng, góp phần phát triển cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; từng bước mở dữ liệu để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

- Hệ thống hội nghị truyền hình của tỉnh được nâng cấp, mở rộng sẵn sàng kết nối phục vụ các cuộc họp trực tuyến từ Trung ương đến tỉnh, huyện, xã.

- Hạ tầng CNTT, các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh cơ bản được xây dựng, hoàn thiện, kết nối, chia sẻ dữ liệu, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin phục vụ xây dựng chính quyền điện tử, phát triển chính quyền số.

- Phát triển nguồn nhân lực CNTT và lực lượng chuyên trách an toàn thông tin. Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ

a) Hoàn thiện môi trường pháp lý

- Tổ chức rà soát, triển khai có hiệu quả các văn bản của Trung ương, của tỉnh về xây dựng chính quyền điện tử, phát triển chính quyền số; tiếp tục ban hành

các cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy, nâng cao chất lượng ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Nghiên cứu xây dựng, đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về xây dựng chính quyền điện tử, phát triển chính quyền số và cung cấp các dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

- Xây dựng và ban hành các quy chế quy định về quản lý, vận hành các hệ thống CNTT; các cơ chế chính sách về biên chế, thu hút, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ CNTT, an toàn thông tin.

- Thường xuyên cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Bình phù hợp Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và đáp ứng các yêu cầu về ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử và thực hiện chuyển đổi số toàn diện tại tỉnh.

b) Phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ viễn thông, Internet hiện đại, đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến cơ sở, đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền điện tử, phát triển chính quyền số tại địa phương.

- Nâng cấp hạ tầng CNTT cho các sở, ban, ngành hiện đại, đồng bộ; bảo đảm 100% có mạng LAN kết nối internet băng thông rộng, 100% cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước được trang bị máy vi tính đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT phục vụ công việc.

- Xây dựng mạng diện rộng (WAN) của cơ quan nhà nước trên cơ sở mạng TSLCD, đảm bảo tất cả các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với tốc độ cao.

- Nâng cấp, mở rộng Hệ thống giao ban trực tuyến của tỉnh, kết hợp các giải pháp cứng và mềm bảo đảm hạ tầng kỹ thuật phục vụ tốt các cuộc họp trực tuyến liên thông 3 cấp chính quyền địa phương và Trung ương.

- Phát triển Trung tâm Dữ liệu điện tử của tỉnh đủ mạnh, bảo đảm quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia. Xây dựng Trung tâm điều hành thông minh (IOC), Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC) và hệ thống phòng chống phần mềm độc hại tập trung của tỉnh đáp ứng yêu cầu xây dựng chính quyền điện tử, phát triển chính quyền số và cung cấp dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.

c) Xây dựng các hệ thống nền tảng và phát triển dữ liệu

- Nâng cấp Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh, chuẩn hóa hệ thống tài khoản làm tài khoản gốc khai báo cho các hệ thống thống thông tin dùng chung khác.

- Duy trì và phát triển hệ thống Cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước trên cùng một nền tảng công nghệ đồng bộ, hiện đại, cung cấp dịch vụ thông tin đa dạng, phù hợp với ứng dụng trên thiết bị di động.

- Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống quản lý văn bản và điều hành tích hợp phân hệ theo dõi nhiệm vụ của UBND tỉnh, phục vụ gửi nhận văn bản điện tử liên thông cấp, bảo đảm chức năng ký số trên nền tảng di động, đáp ứng yêu cầu tạo lập, quản lý hồ sơ công việc, nộp lưu trữ cơ quan và kết nối hệ thống lưu trữ lịch sử.

- Nâng cấp, hoàn thiện Cổng dịch vụ công/hệ thống thông tin một cửa điện tử đáp ứng yêu cầu về chức năng, tính năng, tiện ích theo quy định, bảo đảm cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, thanh toán trực tuyến, hóa đơn, biên



lai điện tử và sẵn sàng kết nối, liên thông, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác.

- Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đáp ứng yêu cầu mở rộng triển khai ứng dụng trong tỉnh, kết nối liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin báo cáo của các Bộ, ngành Trung ương.

- Phát triển phần mềm quản lý hồ sơ CBCCVC, phần mềm quản lý công tác thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo đáp ứng nghiệp vụ quản lý tại địa phương và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành Trung ương. Tiếp tục đẩy nhanh việc tin học hóa các nghiệp vụ chuyên ngành trong các cơ quan nhà nước, như: quản lý học tập, bệnh án, quản lý giá cả...

- Xây dựng thống nhất nền tảng xác thực và định danh của tỉnh (bao gồm cho cả công chức và công dân) bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tận dụng và kế thừa những hệ thống, nền tảng sẵn có để phục vụ giao dịch điện tử giữa người dân với cơ quan nhà nước và các giao dịch điện tử dân sự khác một cách dễ dàng, đơn giản, tiện lợi.

- Xây dựng, mở rộng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) phục vụ cho việc kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, CSDL của tỉnh ngày càng phát triển với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

- Lập danh mục CSDL dùng chung của tỉnh; rà soát, lựa chọn xây dựng các CSDL chuyên ngành quan trọng của mỗi ngành, lĩnh vực để góp phần phát triển CSDL dùng chung và từng bước hình thành hệ sinh thái dữ liệu mở của tỉnh.

- Tham gia tích cực trong việc xây dựng CSDL quốc gia về dân cư. Tổ chức khai thác có hiệu quả dữ liệu được chia sẻ từ CSDL quốc gia về dân cư với các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung, chuyên ngành của tỉnh.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống CSDL dùng chung trên nền thông tin địa lý GIS, trong đó tập trung hoàn thiện CSDL nền địa lý, hệ thống bản đồ địa hình của tỉnh để tích hợp CSDL nền địa lý quốc gia, đồng thời làm nền tảng để phát triển các CSDL dùng chung khác trên nền địa lý của tỉnh như quy hoạch sử dụng đất, xây dựng, giao thông, du lịch, y tế, giáo dục...

- Xây dựng và triển khai các kế hoạch số hóa thông tin, tài liệu; đẩy mạnh khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, CSDL đã được xây dựng để cập nhật, làm mới, làm giàu dữ liệu cho các CSDL.

d) Tăng cường ứng dụng, cung cấp dịch vụ

- Tiếp tục tổ chức ứng dụng hiệu quả các ứng dụng cơ bản của cơ quan, đơn vị và các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh. Cập nhật dữ liệu, khai thác tối đa thông tin quản lý nhân sự, công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Từng bước chuẩn hóa hệ thống biểu mẫu và thực hiện chế độ báo cáo trực tuyến trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh. Tăng cường ứng dụng họp trực tuyến, họp không giấy.

- Cập nhật thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời trên Cổng/trang thông tin điện tử. Tích cực sử dụng thư công vụ, hệ thống QLVB&ĐH và thực hiện tốt việc lập lịch công tác, lập hồ sơ công việc, gửi nhận, luân chuyển, dự thảo, phê duyệt, ký số văn bản điện tử; rèn luyện thói quen và hoàn thiện kỹ năng của cán bộ, công

chức, viên chức trong tra cứu, thu thập, trao đổi thông tin và xử lý công việc trên môi trường mạng.

- Thường xuyên rà soát, bổ sung danh mục và phối hợp hoàn thiện, cải tiến tiện ích dịch vụ công trực tuyến phù hợp với nhu cầu xã hội. Chủ động tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Quan tâm tiếp nhận các ý kiến phản hồi, góp ý, phản ánh, kiến nghị để nghiên cứu, đơn giản hóa yêu cầu về thành phần hồ sơ, quy trình xử lý và thực hiện các chính sách thu hút, khuyến khích các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến thay cho hình thức trực tiếp bằng giấy.

- Xây dựng và triển khai cung cấp dịch vụ phản ánh hiện trường cho cộng đồng. Tiếp tục nghiên cứu mở rộng các kênh tương tác với người dân, doanh nghiệp thông qua môi trường mạng và cung cấp các dịch vụ đô thị thông minh khác về du lịch, y tế, giáo dục... phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của địa phương.

đ) Bảo đảm an toàn thông tin

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức nhà nước và người dùng Internet trên địa bàn.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện đầy đủ mô hình bảo đảm an toàn thông tin chuyên nghiệp "4 lớp", gồm: *Lực lượng tại chỗ; tổ chức hoặc doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; tổ chức hoặc doanh nghiệp độc lập kiểm tra, đánh giá định kỳ; kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia*. Triển khai, duy trì hoạt động của Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC) của tỉnh có kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia. Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin tại các cơ quan, đơn vị.

- Tổ chức quản lý, vận hành và thực hiện công tác bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với Trung tâm dữ liệu điện tử, Mạng diện rộng WAN, các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung của tỉnh. Tăng cường hạ tầng thiết bị và phần mềm giám sát, cảnh báo về an toàn, an ninh thông tin cho Trung tâm dữ liệu điện tử.

- Kiện toàn, nâng cao năng lực và duy trì hoạt động thường xuyên của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh. Tham gia tích cực vào các hoạt động của Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia. Tăng cường cung cấp thông tin, chia sẻ kinh nghiệm xử lý sự cố an toàn mạng.

e) Phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao vai trò của Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử từ các cấp. Sắp xếp, kiện toàn hệ thống đơn vị, bộ phận, cán bộ chuyên trách CNTT trong cơ quan nhà nước. Phấn đấu 100% cơ quan cấp tỉnh và UBND cấp huyện có đơn vị hoặc bộ phận chuyên trách CNTT, có cán bộ chuyên trách CNTT trình độ đại học chuyên ngành CNTT, ATTT trở lên.

- Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp về Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử, Kiến trúc Chính quyền điện tử, về chuyển đổi số để xây dựng chính phủ số, chính quyền số, làm trụ cột dẫn dắt phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng dài hạn, trung hạn, ngắn hạn theo yêu cầu về nguồn nhân lực CNTT. Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, diễn tập nâng cao kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ chuyên trách CNTT, ATTT; tiếp tục bồi dưỡng, chuẩn hóa kỹ năng ứng dụng CNTT theo quy định cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức CNTT, kỹ năng sử dụng máy tính, khai thác Internet cho người dân. Chủ động tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Quan tâm tiếp nhận phản ánh, kiến nghị để nghiên cứu, đơn giản hóa thủ tục hành chính và thực hiện các chính sách phù hợp để thu hút, khuyến khích các tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến thay cho hình thức trực tiếp.

2. Giải pháp

a) Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Tăng cường phổ biến, quán triệt nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu và nhiệm vụ đầu tư, triển khai, ứng dụng CNTT, xây dựng Chính phủ điện tử, thực hiện chuyển đổi số và tiếp cận, tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0; về vai trò, trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong chỉ đạo, tổ chức cũng như tiên phong, gương mẫu khai thác, ứng dụng CNTT, thực hiện “điện tử hóa”, “chuyển đổi số”, áp dụng công nghệ để đổi mới phương thức làm việc, tăng cường hiệu quả, hiệu lực hoạt động của cơ quan, đơn vị và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công.

- Đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng. Triển khai thực hiện phổ cập điện thoại thông minh, phát triển các nền tảng đào tạo trực tuyến về kỹ năng số, xây dựng các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng hoạt động tốt cả trên máy tính và thiết bị di động... để hướng dẫn, hỗ trợ, nâng cao khả năng tiếp cận, ứng dụng CNTT của người dân, doanh nghiệp.

b) Tăng cường thu hút nguồn lực, phát triển các mô hình kết hợp giữa cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Xây dựng, triển khai các chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp công nghiệp CNTT. Thực hiện biện pháp hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng kết nối, cung cấp dịch vụ viễn thông phục vụ triển khai xây dựng chính quyền điện tử, phát triển chính quyền số và cung cấp dịch vụ đô thị thông minh.

- Tập trung bố trí nguồn vốn, kinh phí cho các dự án phát triển, ứng dụng CNTT trọng tâm, trọng điểm, tránh đầu tư dàn trải. Tranh thủ sự hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương. Thu hút các nguồn lực xã hội hóa đầu tư, phát triển, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ cho ứng dụng CNTT. Tăng cường khai thác hình thức đầu tư chuyển giao, đầu tư trả góp hoặc đầu tư cho thuê dịch vụ của doanh nghiệp. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong nước cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho các dự án ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao cho các đơn vị, bộ phận chuyên trách CNTT, ATTT cơ quan nhà nước.

Ban hành, áp dụng các quy định về tiêu chuẩn, tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ và tạo điều kiện cán bộ chuyên trách thực thi nhiệm vụ.

c) Gắn kết chặt chẽ giữa tổ chức ứng dụng CNTT với cải cách hành chính

- Triển khai xây dựng chính quyền điện tử, phát triển chính quyền số và cung cấp dịch vụ đô thị thông minh phải gắn với thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính quốc gia và địa phương. Tổ chức thực hiện tốt các nội dung thuộc Chương trình phối hợp của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Nội vụ về thúc đẩy gắn kết ứng dụng CNTT, phát triển chính phủ điện tử với cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025.

- Tiếp tục hoàn thiện, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong giải quyết thủ tục hành chính. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc và đánh giá việc khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, CSDL tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là việc cung cấp thông tin trên Cổng/trang thông tin điện tử, trao đổi văn bản điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Tăng cường kiểm tra việc ứng dụng CNTT lồng ghép trong các đợt kiểm tra công tác cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính.

d) Tích cực học tập, nghiên cứu, hợp tác để làm chủ công nghệ, triển khai và ứng dụng hiệu quả CNTT

- Ưu tiên bố trí nguồn kinh phí cho nghiên cứu, hợp tác làm chủ công nghệ, chuyển giao ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh. Tăng cường triển khai các dự án, đề tài khoa học ứng dụng CNTT phục vụ người dân, doanh nghiệp, các giải pháp, phương án kỹ thuật, công nghệ để triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu nền tảng của Chính quyền số, đô thị thông minh.

- Tích cực học hỏi, tiếp thu những giải pháp tốt, kinh nghiệm hay trong triển khai các dự án CNTT, xây dựng chính quyền điện tử của các địa phương khác trong nước. Tổ chức học tập, nghiên cứu, áp dụng các mô hình tiên tiến đi trước của các nước có mức độ chuyển đổi số, phát triển đô thị thông minh cao như Nhật, Hàn Quốc, Singapore...

IV. CÁC DỰ ÁN TRỌNG TÂM

1. Danh mục các dự án trọng tâm phát triển chính quyền điện tử và dịch vụ đô thị thông minh giai đoạn 2021-2025 (đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 09/12/2020)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Số T T	Tên dự án	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí			
				Tổng kinh phí	Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	Nguồn khác
A	Hạ tầng			161	53	69	39
1	Đầu tư nâng cấp mạng diện rộng của tỉnh	Sở TT&TT	2021-2025	7		5	2
2	Đầu tư nâng cấp Trung tâm dữ liệu điện tử của tỉnh	Sở TT&TT	2021-2025	30	5	20	5

Số T T	Tên dự án	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí			
				Tổng kinh phí	Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	Nguồn khác
3	Đầu tư nâng cấp Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Quảng Bình	Sở TT&TT; các sở, ban, ngành, địa phương	2021-2025	30	10	10	10
4	Đầu tư nâng cấp Hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh thông tin của tỉnh	Sở TT&TT; các sở, ban, ngành, địa phương	2021-2023	10	3	5	2
5	Đầu tư nâng cấp Hệ thống Hội nghị trực tuyến tỉnh Quảng Bình	Sở TT&TT	2021-2023	15	3	7	5
6	Đầu tư xây dựng Trục kết nối chia sẻ dữ liệu của tỉnh	Sở TT&TT	2021-2022	19	17	2	
7	Đầu tư nâng cấp Hạ tầng CNTT của các cơ quan, tổ chức	Sở TT&TT; Các sở, ban, ngành, địa phương	2020-2025	50	15	20	15
B	Hệ thống phần mềm/ CSDL dùng chung của tỉnh, dùng chung chuyên ngành			375,5	158	132,5	85
1	Đầu tư nâng cấp hệ thống quản lý văn bản và điều hành	Sở TT&TT	2022-2025	6,5		6,5	
2	Đầu tư nâng cấp Công dịch vụ công/ hệ thống thông tin một cửa điện tử	Sở TT&TT; các sở, ban, ngành, địa phương	2023-2025	15	7	8	
3	Đầu tư nâng cấp Hệ thống thông tin báo cáo	Sở TT&TT	2021-2025	15	7	8	
4	Đầu tư nâng cấp hệ thống Thư điện tử công vụ	Sở TT&TT	2021-2023	5		5	
5	Đầu tư nâng cấp hệ thống Cổng/trang thông điện tử	Sở TT&TT	2023-2025	3		3	
6	Đầu tư nâng cấp Hệ thống quản lý công tác thanh tra và giải quyết KNTC	Sở TT&TT	2021-2025	5	2	3	

Số T T	Tên dự án	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí			
				Tổng kinh phí	Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	Nguồn khác
7	Đầu tư nâng cấp Hệ thống Quản lý hồ sơ CBCCVV và đánh giá kết quả làm việc	Sở TT&TT	2021-2023	6	3	3	
8	Đầu tư xây dựng Hệ thống thu thập, thẩm định và chia sẻ dữ liệu	Sở TT&TT	2021-2023	15	5	10	
9	Đầu tư nâng cấp trang thiết bị và phần mềm phòng họp không giấy cho các cơ quan, tổ chức	Sở TT&TT; các sở, ban, ngành, địa phương	2021-2023	15		10	5
10	Đầu tư nâng cấp hệ thống CSDL nền địa lý tỉnh Quảng Bình	Sở TT&TT; các sở, ban, ngành, địa phương	2021-2025	15	7	8	
11	Đầu tư nâng cấp hệ thống CSDL đất đai (dữ liệu thành phần)	Sở TNMTT	2021-2025	10	7	3	
12	Đầu tư nâng cấp hệ thống CSDL dân cư (dữ liệu thành phần)	Công an tỉnh	2021-2025	10	7	3	
13	Đầu tư nâng cấp hệ thống CSDL hộ tịch (dữ liệu thành phần)	Sở Tư pháp	2021-2025	5	3	2	
14	Đầu tư nâng cấp Hệ thống số hóa và lưu trữ điện tử	Sở TTTT; các sở, ban, ngành, địa phương	2021-2025	30	10	10	10
15	Đầu tư nâng cấp hệ thống CSDL và Phần mềm chuyên ngành quan trọng	Các sở, ban, ngành, địa phương	2021-2025	150	70	30	50
16	Đầu tư chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình	Sở TTTT; các địa phương	2021-2025	70	30	20	20
C	Công tác đào tạo, duy trì, lưu trữ			50		35	15
1	Đào tạo, tập huấn về CQĐT, CNTT,...	Sở TTTT	2021-2025	7		5	2

Số T T	Tên dự án	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí			
				Tổng kinh phí	Ngân sách TW	Ngân sách ĐP	Nguồn khác
2	Công tác truyền thông nâng cao nhận thức, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ của CQĐT, Smart City	Sở TTTT	2021-2025	5		3	2
3	Tổ chức lưu trữ tập trung và phục hồi dữ liệu toàn tỉnh	Sở TTTT	2021-2025	10		7	3
4	Duy trì, cập nhật Kiến trúc CQĐT tỉnh	Sở TTTT	2021-2025	3		3	
5	Quản lý, duy trì, vận hành CQĐT, đô thị thông minh của tỉnh	Sở TTTT	2021-2025	15		10	5
6	Thuê đường truyền dữ liệu	Sở TTTT	2021-2025	10		7	3
TỔNG CỘNG				586,5	211	236,5	139

2. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Nguồn kinh phí địa phương

- Ngân sách của tỉnh bố trí cho việc triển khai các chương trình, dự án, hệ thống thông tin dùng chung thống nhất từ tỉnh đến cơ sở và các nhiệm vụ ứng dụng CNTT trong các sở, ban, ngành, nhất là các sở, ngành có tham gia CSDL quốc gia thành phần. Quan tâm hỗ trợ một phần kinh phí cho các địa phương thực sự khó khăn khi triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT.

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh điều tiết, bố trí kinh phí đầu tư, sự nghiệp được cấp để tổ chức xây dựng, cập nhật dữ liệu cho CSDL chuyên ngành và triển khai các ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan, đơn vị mình, như hệ thống QLVB&ĐH; hệ thống thông tin một cửa điện tử; hệ thống thông tin báo cáo; hệ thống quản lý hồ sơ CBCCVC và đánh giá kết quả làm việc; hệ thống quản lý công tác thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo...

- Các huyện, thành phố, thị xã, xã, phường, thị trấn rà soát, cân đối kinh phí đảm bảo thực hiện các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT thuộc phạm vi địa phương mình, trong đó tăng cường cho việc phát triển hạ tầng, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức và thực hiện số hóa, làm giàu dữ liệu.

b) Nguồn kinh phí Trung ương

- Tranh thủ sự đầu tư của Trung ương cho ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tại tỉnh.

- Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã chủ động làm việc với Bộ, ngành chủ quản để tranh thủ sự hỗ trợ về kinh phí và được tham gia vào các

chương trình, dự án của Bộ, ngành, nhất là hoạt động xây dựng cơ sở dữ liệu quốc thành phần và chuyên ngành tại địa phương.

c) Nguồn kinh phí khác

Kinh phí triển khai các ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước được lồng ghép trong các chương trình dự án khác. Một dự án có thể được bố trí từ nhiều nguồn kinh phí khác nhau. Tăng cường huy động nguồn xã hội hóa từ các doanh nghiệp, nhà tài trợ hỗ trợ ứng dụng CNTT trong và ngoài nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã

- Xây dựng Kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Kế hoạch này (giai đoạn và hàng năm). Căn cứ tình hình cụ thể của từng Sở, ban, ngành, địa phương để xây dựng, thực hiện các đề án, chương trình, kế hoạch lồng ghép nội dung về chuyển đổi số trong hoạt động của sở, ban, ngành, địa phương, gắn kết với ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số các cấp.

- Ưu tiên bố trí kinh phí, nhân lực cho việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai ứng dụng hiệu quả các hệ thống dùng chung của tỉnh, CSDL, ứng dụng chuyên ngành và nội bộ tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Định kỳ hàng quý báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện Kế hoạch ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng cho Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông. Trong đó, UBND cấp huyện tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện của các xã, phường, thị trấn thuộc huyện.

2. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức đẩy mạnh ứng dụng CNTT gắn kết với cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức; tham mưu cho UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách đối với bộ máy, đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT trong cơ quan nhà nước.

- Tham mưu UBND tỉnh ưu tiên bố trí kinh phí cho việc bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số cho đội ngũ lãnh đạo các cấp và đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT, bảo đảm an toàn thông tin mạng cho cán bộ, công chức, viên chức.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ

- Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí đầu tư phát triển giai đoạn, hàng năm cho các chương trình, dự án ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng của tỉnh, nhất là các dự án trọng tâm đã được HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh phê duyệt.

- Tham mưu cho UBND tỉnh quy định, hướng dẫn thực hiện mục chi ngân sách cho sự nghiệp ứng dụng, phát triển CNTT theo quy định tại Điều 63 Luật Công nghệ thông tin; bố trí kinh phí sự nghiệp cho đơn vị chuyên trách của tỉnh thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

- Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, hợp tác làm chủ công nghệ, chuyển giao ứng dụng CNTT, nhất là các dự án, đề tài khoa học ứng dụng CNTT phục vụ người dân, doanh nghiệp, các giải pháp, phương án kỹ thuật, công nghệ để triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu nền tảng của chính quyền số, đô thị thông minh.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan đầu mối, tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức triển khai Kế hoạch này, cụ thể hóa xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch hàng năm. Định kỳ hàng quý tổng hợp báo tình hình triển khai và kết quả thực hiện cho UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Nghiên cứu, tham mưu xây dựng các Nghị quyết của HĐND tỉnh về ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng; các chính sách, chế độ thu hút, đãi ngộ, phát triển nguồn nhân lực CNTT của tỉnh.

- Tham mưu cho UBND tỉnh triển khai các Đề án, Dự án đẩy mạnh ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số gắn với cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức. Triển khai cơ chế phối hợp, chủ động phòng ngừa, điều phối ứng cứu, xử lý sự cố an toàn thông tin của các hệ thống thông tin cơ quan nhà nước.

- Tăng cường theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng của sở, ban, ngành, địa phương. Hàng năm tổ chức đánh giá mức độ ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương triển khai, thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để xem xét, điều chỉnh phù hợp./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức thành viên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BCĐ xây dựng CQĐT tỉnh;
- Báo Quảng Bình, Đài PT&TH Quảng Bình;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, các phòng, ban, TT;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ An Phong